

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 10 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024); xây dựng lộ trình tổ chức triển khai các chương trình, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra (Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện quy hoạch tại Phụ lục I đính kèm).

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh hỗ trợ việc chuyển đổi và phát triển của các ngành, các tiểu vùng, các địa phương trong vùng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra; quán triệt chủ trương của Đảng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên; phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của vùng và địa phương theo hướng phát triển kinh tế nhanh, bền vững, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đảm bảo và phát triển đời sống kinh tế - xã hội toàn diện cho đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy đoàn kết và giao lưu văn hóa toàn dân, xây dựng khối đại đoàn kết chung giữa các dân tộc.

d) Cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng ưu tiên phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến; trở thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của vùng và các quy hoạch cấp trên.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển các ngành có lợi thế như: nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến nông sản, năng lượng tái tạo, công nghiệp khai thác và chế biến bauxite, alumin, nhôm.

e) Đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số làm động lực cho phát triển vùng; tăng cường liên kết với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh thuộc tiểu vùng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, các cảng biển, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và các nước ASEAN.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Chuyển đổi cơ cấu, mô hình phát triển kinh tế vùng theo hướng tập trung đầu tư phát triển các ngành có lợi thế; nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện hiệu quả cơ chế điều phối phát triển vùng.

- Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung áp dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng và từng tiểu vùng; tập trung phát triển các cây trồng chủ lực.

+ Hình thành trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp vùng và hành lang kinh tế; liên kết các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp giữa các địa phương.

+ Phát triển kinh tế lâm nghiệp, kinh tế rừng, khuyến khích trồng rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp về đất đai, tạo vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản; phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng; tiếp tục phát triển bền vững các vùng nguyên liệu đảm bảo hiệu quả kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến lâm sản và các loại lâm sản ngoài gỗ; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ carbon.

- Ngành công nghiệp

+ Ưu tiên phát triển và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường; gắn với lợi thế về nguồn nguyên liệu trong vùng, tăng cường liên kết hiệu quả với công nghiệp tiểu vùng Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ và khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia để mở rộng thị trường cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường đầu tư của các doanh nghiệp công nghiệp sang các nước Lào và Campuchia.

+ Phát triển các khu công nghiệp theo hướng bền vững, chuyên ngành đặc biệt về lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, được gắn với các đô thị trung tâm và hành lang kinh tế; phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, alumin và nhôm (tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng); phát triển công nghiệp cơ khí, dệt may, hóa chất, dược phẩm và sản xuất phân bón, phân vi sinh tại các tỉnh thuộc vùng.

+ Phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện áp mái) phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và điều kiện tự nhiên; ưu tiên phát triển tại tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.

- Ngành dịch vụ

+ Phát triển ngành dịch vụ trong mối quan hệ tương hỗ phát triển với các ngành nông nghiệp, công nghiệp; tập trung phát triển thị trường cung ứng và tiêu thụ trong vùng và ngoài vùng theo các hành lang kết nối vùng và với cảng biển lớn ra các thị trường quốc tế; đẩy mạnh hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa qua biên giới trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng ở một số cửa khẩu quốc tế: Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai), Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông) để thúc đẩy giao thương với Lào và Campuchia.

+ Phát triển dịch vụ logistics gắn với trung tâm vùng và hành lang kinh tế kết nối các hoạt động thương mại trong nội vùng, liên vùng hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất gắn với các thị trường trong nước và quốc tế; xây dựng các trung tâm thương mại, khu thương mại - dịch vụ, trung tâm hội chợ - triển lãm tại các đô thị lớn, trung tâm vùng, tiểu vùng.

+ Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; tăng cường kết nối và nâng cao chất lượng dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch đặc thù theo các địa bàn trọng điểm, gắn với di sản không gian văn hóa công chiêng, lễ hội truyền thống; tăng cường liên kết với các tỉnh vùng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ và liên kết du lịch giữa năm tỉnh Tây Nguyên một cách toàn diện, đồng bộ.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện hiệu quả cơ chế điều phối phát triển vùng, thúc đẩy hợp tác liên kết vùng

+ Tập trung nghiên cứu, xây dựng triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù về liên kết phát triển nhằm điều phối hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và liên vùng; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển: nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

+ Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, thu hút nguồn lực đầu tư; ưu tiên cải thiện khả năng tiếp cận đất đai; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các ngành lĩnh vực quan trọng: nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

+ Tập trung đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao trong một số lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, công nghiệp chế biến công nghệ cao, kinh tế số, năng lượng tái tạo, logistics, tài chính - ngân hàng và dược phẩm. Hình thành và đầu tư năng lực đối với các tổ chức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

b) Phát triển kết cấu hạ tầng vùng từng bước đồng bộ, hiện đại, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ; hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải, trên cơ sở phù hợp các quy hoạch ngành giao thông vận tải được cấp có thẩm quyền phê duyệt (quy mô, tiến trình đầu tư) và phát huy lợi thế của các phương thức vận tải, bảo đảm kết nối nội vùng và liên vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận

lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế, giảm chi phí vận tải; theo đó:

+ Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn các tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông nhằm phát huy tính chủ động của các địa phương và huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn vùng.

+ Nghiên cứu đầu tư, mở mới và đẩy nhanh tiến độ đầu tư một số tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ và cải tạo tuyến đường tỉnh kết nối với khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ khi có đủ điều kiện, như tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24); Dầu Giây (tỉnh Đồng Nai) - Liên Khương (tỉnh Lâm Đồng) (CT.27); Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Chơn Thành (tỉnh Bình Phước); đoạn tuyến Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum) - Pleiku (tỉnh Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông); tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20) kết nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum) và bổ sung đầu tư tuyến Quảng Ngãi - Kon Tum giai đoạn trước năm 2030 khi đảm bảo các yêu cầu và điều kiện theo quy định; tổ chức lập quy hoạch, đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không (Liên Khương, Pleiku, Buôn Ma Thuột) và tổ chức lập đề án quy hoạch cảng hàng không tiềm năng (khi có nhu cầu) tại Kon Tum, Đắk Nông; khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ du lịch và từng bước nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chơn Thành)), phát triển hệ thống cảng cạn trên địa bàn vùng theo quy hoạch được duyệt.

- Phát triển mạng lưới thủy lợi theo hướng hiện đại, chủ động cấp, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, đập dâng lớn bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển hạ tầng năng lượng theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn vùng đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tập trung thực hiện 3 trụ cột của chuyên đổi số gồm chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội đồng bộ trên địa bàn vùng bao gồm mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

và trợ giúp xã hội, mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, mạng lưới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hạ tầng thương mại và logistic, hạ tầng báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, trong đó các cơ sở hạ tầng cấp quốc gia thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt.

c) Phát triển hành lang kinh tế kết nối Tây Nguyên - Đông Nam Bộ và khu vực Nam Trung Bộ, Trung Trung Bộ theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2024, bao gồm các hành lang kinh tế (i) Theo tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước - Bình Dương) và đường Hồ Chí Minh; (ii) Hành lang kinh tế Đông - Tây (hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn); (iii) Hành lang kinh tế Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa; (iv) Hành lang Dầu Giây - Liên Khương - Nha Trang; (v) Hành lang Bu Prăng - Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Bình Thuận - Ninh Thuận.

d) Phát triển khu vực đô thị động lực và khu vực nông thôn

- Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn đảm bảo phù hợp với Quy hoạch đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024; theo đó; thành phố Buôn Ma Thuột là cực tăng trưởng của tiểu vùng Trung Tây Nguyên; thành phố Pleiku là cực tăng trưởng của tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (bao gồm tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum); Thành phố Đà Lạt là cực tăng trưởng của tiểu vùng Nam Tây Nguyên (bao gồm tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông).

- Tái cấu trúc các khu dân cư nông thôn gắn với các vùng nông nghiệp chuyên canh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng sinh thái, đảm bảo an toàn lâu dài và ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn các làng truyền thống, các cộng đồng thiểu số; thí điểm hình thành khu tái định cư của người dân tộc thiểu số gắn với các hoạt động phát triển du lịch, tạo sinh kế bền vững cho người dân tộc thiểu số.

đ) Quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn, phục hồi làm giàu tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước, tài nguyên rừng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn, phục hồi làm giàu tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước, tài nguyên rừng đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt.

- Tăng cường quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông theo Quy hoạch tài nguyên nước và các Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

- Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e) Về quốc phòng, an ninh.

Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn vùng, trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; Quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng; sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bản đồ quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn.

2. Triển khai các dự án quan trọng của vùng

a) Dự kiến triển khai các dự án quan trọng của vùng sử dụng vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng Tây Nguyên tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 23-NQ/TW) và Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW (Nghị quyết số 152/NQ-CP); Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh địa bàn Tây Nguyên.

+ Là các dự án quan trọng đã được xác định trong quy hoạch vùng; các dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng.

- Các dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện:

+ Ưu tiên cao nhất cho việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, gồm: hệ thống giao thông kết nối; phát triển nguồn điện, lưới điện; hạ tầng thủy lợi, cấp, thoát nước,

phòng chống thiên tai; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các khu vực đô thị động lực đã được xác định trong quy hoạch vùng.

+ Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng mang tính lan tỏa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn vùng.

b) Dự kiến triển khai dự án quan trọng của vùng sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP.

+ Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển trong các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng Tây Nguyên.

- Loại hình dự án quan trọng dự kiến ưu tiên:

+ Thu hút triển khai các dự án quan trọng nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, những điểm nghẽn trong phát triển của vùng giai đoạn vừa qua, tập trung vào các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các dự án hạ tầng kỹ thuật: Mạng lưới đường bộ cao tốc, quốc lộ; hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế, năng lượng tái tạo, thủy lợi; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ, du lịch.

+ Thu hút đầu tư các dự án du lịch; dịch vụ y tế, giáo dục; khoa học công nghệ; văn hóa, thể thao; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (chi tiết tại Phụ lục III)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Kế hoạch sử dụng đất địa phương thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền ban hành; các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất để triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn vùng phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đã được xác định trong quy hoạch vùng, trình cấp có thẩm quyền ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng (chi tiết tại Phụ lục II).

5. Danh mục các quy hoạch hết hiệu lực

Danh mục các quy hoạch trên địa bàn vùng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực, trong đó có các Quy hoạch đã được tích hợp vào Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục IV).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, các hoạt động liên kết vùng bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, nhất quán và hiệu quả Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành

c) Huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng

2. Các bộ, ngành và địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Công bố Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu quy hoạch vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hằng năm và 05 năm về kết quả thực hiện Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Các bộ, ngành có liên quan

- Tổ chức lập, thẩm định, góp ý kiến quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý, đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp

quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng triển khai các chương trình, dự án đã được xác định tại Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng quản lý.

- Ưu tiên nguồn lực triển khai các chương trình, dự án về: Giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, bảo vệ tài nguyên, môi trường; an sinh xã hội, góp phần giải quyết an sinh xã hội, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc của vùng.

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá việc thực hiện Quy hoạch vùng hằng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Các địa phương vùng Tây Nguyên

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đúng, đầy đủ về nội dung Quy hoạch vùng và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngay sau khi quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương.

- Trường hợp cần thiết, rà soát trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trong việc xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai cho các chương trình, dự án; chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn theo chức năng quản lý.

- Tổ chức lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng tổ

chức thực hiện chương trình, dự án sau quy hoạch theo phân cấp quản lý nhà nước.

- Phối hợp và triển khai đồng bộ các dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, ngành và các địa phương trong vùng Tây Nguyên gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.